

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH CÀ MAU**

Bản án số: 73/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 31-7-2020

V/v: “ Tranh chấp ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Hồ Minh Tấn**.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông: **Vũ Minh Hoàng**

Ông: **Trần Minh Út**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Châu Sơn Ca** là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 31 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 185/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2020 về việc “*tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 171/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 07 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh **Bùi Minh Đ**, sinh năm 1986 (vắng mặt).

- *Bị đơn:* Chị **Nguyễn Thị U**, sinh năm 1990 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp P, xã H, huyện D, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Bùi Minh Đ trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị U sống với nhau như vợ chồng vào năm 2018, không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu anh và chị U chung sống rất hạnh phúc nhưng thời gian gần đây vợ chồng thường xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn và đã ly thân từ năm 2019. Nay anh yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Phú Tân giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị U. Trong quá trình chung sống anh và chị U không có con chung, tài sản chung và quan hệ nợ chung.

-Tại bản tự khai ngày 21/7/2020 chị Nguyễn Thị U trình bày: Về hôn nhân, mâu thuẫn vợ chồng, thời gian ly thân phù hợp với lời trình bày của anh Đ. Quá trình chung sống chị U và anh Đ không có con chung, tài sản chung và nợ chung. Nay chị đồng ý ly hôn với anh Bùi Minh Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Bùi Minh Đ yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với chị Nguyễn Thị U là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc “Ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau. Do anh Bùi Minh Đ và chị Nguyễn Thị U có đơn đề nghị vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên vụ án thuộc trường hợp không hòa giải được theo quy định tại Điều 207 của Bộ Luật tố tụng dân sự. Đồng thời, vụ án không thuộc trường hợp quy định Khoản 2 điều 21 của Bộ Luật tố tụng dân sự nên Kiểm sát viên không tham gia phiên tòa.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét yêu cầu xin ly hôn của anh Bùi Minh Đ với chị Nguyễn Thị U thấy rằng: Anh Bùi Minh Đ và chị Nguyễn Thị U sống với nhau như vợ chồng vào năm 2018, không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu anh Đ và chị U chung sống rất hạnh phúc nhưng thời gian gần đây vợ chồng thường xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn và đã ly thân từ năm 2019.

Khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình quy định: *“Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quyền, nghĩa vụ đối với con, tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên được giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này”*

Khoản 2 điều 53 Luật hôn nhân và gia đình quy định: *“Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này; nếu có yêu cầu về con và tài sản thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này”*

Như vậy, anh Đ và chị U chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn, mặc dù anh, chị có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật, nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ quan hệ giữa vợ và chồng. Do đó, cần tuyên bố anh Bùi Minh Đ và chị Nguyễn Thị U không phải là quan hệ vợ chồng.

[3] Về con chung, tài sản và nợ chung không có và không có yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[8] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm anh Đ phải chịu 300.000 đồng, anh Đ đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng được chuyển thu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39, Điều 147; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều: 14, Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận anh Bùi Minh Đ và chị Nguyễn Thị U là quan hệ vợ chồng.

- Về án phí: Anh Bùi Minh Đ phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng, anh Đ đã nộp số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0011773 ngày 30 tháng 6 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân được chuyển thu.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Minh Hoàng Trần Minh Út

Hồ Minh Tấn

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau;
- Chi Cục THADS huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn Cái Đôi Vàm huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau;
- Lưu hồ sơ, văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Hồ Minh Tấn